

ĐỀ ÔN TẬP HÈ TOÁN 2

ĐỀ SỐ 9

I. TRẮC NGHIỆM (Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Số gồm 9 trăm và 5 đơn vị viết là

- A. 95 B. 59 C. 905 D. 950

Câu 2: Số 349 là số liền trước của số nào:

- A. 348 B. 350 C. 358 D. 360

Câu 3: Số tròn chục lớn nhất có 3 chữ số là tổng của hai số nào?

- A. 563 và 327 B. 810 và 90 C. 240 và 740 D. 152 và 838

Câu 4: Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $542 - 318$ B. $638 - 455$ C. $454 + 27$ D. $547 + 80$

Câu 5: Bà đi chợ mua 6 chai nước mắm. Mỗi chai đựng 2 l nước mắm. Số lít nước mắm bà mua tất cả là:

- A. 14 l B. 8 l C. 10 l D. 12 l

Câu 6: Mẹ cắt tấm vải dài 40 m thành 5 mảnh vải bằng nhau. Độ dài của mỗi mảnh vải là?

- A. 6m B. 7 m C. 8 m D. 9 m

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$625 + 155 \qquad 946 - 581 \qquad 831 - 416 \qquad 305 + 285$$

.....

Câu 2: Tính:

$$284 + 302 - 425 = \dots\dots\dots$$

$$465 - 25 + 336 = \dots\dots\dots$$

Câu 3: Hình bên có hình tứ giác.



Câu 4: Số học sinh nam của khối lớp Hai là 145 em, nhiều hơn số học sinh nữ là 39 em.

a) Hỏi khối học sinh lớp Hai có bao nhiêu em học sinh?

b) Để giúp đỡ các bạn nhỏ vùng cao, mỗi học sinh của trường đã quyên góp 1 quyển vở. Hỏi khối lớp Hai đã quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số gồm 9 trăm và 5 đơn vị viết là:

- A. 95 B. 59 C. 905 D. 950

Phương pháp

Viết số lần lượt từ hàng trăm, hàng chục, đến hàng đơn vị.

Cách giải

Số gồm 9 trăm và 5 đơn vị viết là: 905

Đáp án: C

Câu 2: Số 349 là số liền trước của số nào:

- A. 348 B. 350 C. 358 D. 360

Phương pháp

Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số 349 là số liền trước của số 350.

Đáp án: B

Câu 3: Số tròn chục lớn nhất có 3 chữ số là tổng của hai số nào?

- A. 563 và 327 B. 810 và 90 C. 240 và 740 D. 152 và 838

Phương pháp

Bước 1: Xác định số tròn chục lớn nhất có 3 chữ số

Bước 2: Xác định hai số có tổng là số vừa tìm được

Cách giải

Số tròn chục lớn nhất có 3 chữ số là 990.

Ta có $152 + 838 = 990$

Vậy số tròn chục lớn nhất có 3 chữ số là tổng của hai số là 152 và 838.

Đáp án: D

Câu 4: Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $542 - 318$ B. $638 - 455$ C. $454 + 27$ D. $547 + 80$

Phương pháp

Thực hiện đặt tính rồi tính và so sánh các kết quả.

Cách giải

$$542 - 318 = 224$$

$$638 - 455 = 183$$

$$454 + 27 = 481$$

$$547 + 80 = 627$$

Vậy phép tính có kết quả nhỏ nhất là $638 - 455$

Đáp án: B

Câu 5: Bà đi chợ mua 6 chai nước mắm. Mỗi chai đựng 2 ℓ nước mắm. Số lít nước mắm bà mua tất cả là:

A. 14 ℓ

B. 8 ℓ

C. 10 ℓ

D. 12 ℓ

Phương pháp

Số lít nước mắm bà mua = số lít nước mắm ở mỗi chai x số chai

Cách giải

Số lít nước mắm bà mua tất cả là: $6 \times 2 = 12$ (lít)

Đáp án: D

Câu 6: Mẹ cắt tấm vải dài 40 m thành 5 mảnh vải bằng nhau. Độ dài của mỗi mảnh vải là?

A. 6m

B. 7 m

C. 8 m

D. 9 m

Phương pháp

Độ dài của mỗi mảnh vải = Độ dài tấm vải ban đầu : số mảnh vải

Cách giải

Độ dài của mỗi mảnh vải là: $40 : 5 = 8$ (m)

Đáp án: C

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$625 + 155$$

$$946 - 581$$

$$831 - 416$$

$$305 + 285$$

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau

- Cộng hoặc trừ lần lượt từ phải sang trái

Cách giải

$$\begin{array}{r} 625 \\ + 155 \\ \hline 780 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 946 \\ - 581 \\ \hline 365 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 831 \\ - 416 \\ \hline 415 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 305 \\ + 285 \\ \hline 590 \end{array}$$

Câu 2: Tính:

$$284 + 302 - 425 = \dots\dots\dots$$

$$465 - 25 + 336 = \dots\dots\dots$$

Phương pháp

Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải.

Cách giải

$$284 + 302 - 425 = 586 - 425 \\ = 161$$

$$465 - 25 + 336 = 440 + 336 \\ = 776$$

Câu 3: Hình bên có hình tứ giác.



Phương pháp

Hình tứ giác có 4 đỉnh và 4 cạnh.

Cách giải

Hình bên có 4 hình tứ giác.

Câu 4: Số học sinh nam của khối Hai là 145 em, nhiều hơn số học sinh nữ là 39 em.

- a) Hỏi khối học sinh lớp Hai có bao nhiêu em học sinh?
b) Để giúp đỡ các bạn nhỏ vùng cao, mỗi học sinh của trường đã quyên góp 1 quyển vở. Hỏi khối lớp Hai đã quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

Phương pháp

a) Bước 1. Tìm số học sinh nữ = số học sinh nam – 39 em

Bước 2. Số học sinh khối Hai = số học sinh nam + số học sinh nữ

b) Số quyển vở quyên góp được = Số học sinh khối Hai

Cách giải

a) Khối Hai có số học sinh nữ là:

$$145 - 39 = 106 \text{ (em)}$$

Khối học sinh lớp Hai có số em là:

$$145 + 106 = 251 \text{ (em)}$$

b) Vì mỗi học sinh của trường đã quyên góp 1 quyển vở nên khối lớp Hai đã quyên góp được 251 quyển vở.

Đáp số: a) 251 em

b) 251 quyển vở